

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm
quyền giải quyết của Sở Y tế/UBND cấp huyện/UBND cấp xã
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính

phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 103/TTr-SYT ngày 28 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Sửa đổi bổ sung 38 thủ tục hành chính thứ tự **số 1, số 4, số 5, số 6, số 7, số 8, số 9** mục VII (lĩnh vực Bảo trợ xã hội), số thứ tự **số 2, số 3, số 4 số 5** mục VIII (lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội) Phần A (cấp tỉnh), số thứ tự **số 2, số 3, số 4, số 7, số 8** mục IV (lĩnh vực Bảo trợ xã hội), Phần B (cấp huyện), số thứ tự **số 8** mục I (lĩnh vực Bảo trợ xã hội), Phần C (cấp xã) Danh mục thủ tục hành chính ngành Lao động – Thương binh và xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Số thứ tự **số 1, số 2** mục III (lĩnh vực Bảo trợ xã hội) biểu 2 (Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung) Phần A (cấp tỉnh), thứ tự số **01, số 02, số 03** mục I (lĩnh vực Bảo trợ xã hội) biểu 2 (thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung) phần B (cấp huyện), thứ tự **số 01, số 03, số 04, số 05, số 06, số 07, số 08** mục II (lĩnh vực Bảo trợ xã hội) biểu 1 (thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung) phần C (cấp xã) Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. **01 thủ tục** hành chính thuộc Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo trợ

xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Thủ tục hành chính số 01 phần I (cấp tỉnh), thủ tục số 1 phần II (cấp xã) Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Thủ tục hành chính số 1, số 2, số 3, số 4 thuộc Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Thủ tục hành chính thứ tự số 1, số 2 phần I (thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung) thuộc Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo số 530/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 3 mục VII (lĩnh vực Bảo trợ xã hội), Phần A (cấp tỉnh) Danh mục thủ tục hành chính ngành Lao động – Thương binh và xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
I. Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội						
1	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật. (Nghị định số 28/2012/NĐ-CP) - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP

						<p>ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. (Nghị định số 42/2025/NĐ-CP)</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. (Nghị định số 45/2025/NĐ-CP)</p>
2	2.000216	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. (Nghị định số 103/2017/NĐ-CP) - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
3	2.000144	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

				điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử		
4	2.000062	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	15 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
5	2.000135	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	05 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (Nghị định số 140/2018/NĐ-CP) - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
6	2.000056	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

				môi trường điện tử		
7	2.000051	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	15 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
8	1.012991	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	07 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. (Nghị định số 110/2024/NĐ-CP) - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
9	1.012992	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
10	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam	07 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

		định cư ở nước ngoài		Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử		
11	1.01299	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội hoặc qua bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
12	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện.	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
13	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn	- Nộp trực tiếp tại các cơ quan Chính quyền (hoặc công an), Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

			thiện các thủ tục theo quy định.	(nếu điều kiện cho phép).		
14	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	07 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại các Cơ sở trợ giúp xã hội. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	2.000025	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. (Nghị định số 09/2013/NĐ-CP) - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

						(Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH) - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH)
2	2000027	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.
3	2000032	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-

				công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử		BLĐTBXH.
4	2000036	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.
5	1000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.
B. Thủ tục hành chính cấp huyện						
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ

				môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).		hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
2	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
3	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do Phòng Y tế nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến).	- Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
4	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

				<ul style="list-style-type: none"> - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 		
5	2.000777	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
6	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
7	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

				- Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).		
8	1.000684	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế	15 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Phòng Y tế - Gửi hồ sơ qua bưu điện.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
9	2.000298	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Phòng Y tế - Gửi hồ sơ qua bưu điện.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
10	2.000294	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	15 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Phòng Y tế - Gửi hồ sơ qua bưu điện.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
11	1.000669	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	05 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Phòng Y tế - Gửi hồ sơ qua bưu điện.	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
12	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng	- Nộp trực tiếp bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử.	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

			tượng vào cơ sở cấp huyện.			
13	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại các cơ quan Chính quyền (hoặc công an), Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
14	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại các Cơ sở trợ giúp xã hội. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép).	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH.

				(nếu điều kiện cho phép).		
C. Thủ tục hành chính cấp xã						
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH.
2	1.001653	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

						- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐT BXH.
3	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.
4	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là 02 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại bộ phận Một cửa UBND cấp xã. - Gửi hồ sơ qua bưu điện. - Nộp trực tuyến trên môi trường điện tử (nếu điều kiện cho phép). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP.

Ghi chú: Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không tổ chức riêng Phòng Y tế thì cơ quan thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện là Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
Lĩnh vực : Bảo trợ xã hội			
1	2.000141	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi QLNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội